TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 164/2022/HNGĐ-ST
Ngày 30 - 12 - 2022
V/v: "*T/c Hôn nhân và gia đình xin ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Văn Tám

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Hà Bữu Khánh

2. Ông Võ Minh Tuấn

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Phượng-Thư ký Tòa án nhân dân huyện G.

- *Đại diện-Viện Kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa:* Không tham gia.

Trong ngày 30 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 605/2022/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 10 năm 2022 về việc "*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình-xin ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 261/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 02 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Ngô Thị H, sinh năm 1972; Địa chỉ: ấp H1, xã H2, huyện G, tỉnh Kiên Giang;

- *Bị đơn*: Anh Lê Xuân T, sinh năm: 1965; Địa chỉ: ấp H1, xã H2, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời trình bày tiếp theo của nguyên đơn chị Ngô Thị H như sau: Tôi với anh Lê Xuân T nhờ mai mối và cưới nhau vào năm 1991, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H2, huyện G, tỉnh Kiên Giang vào ngày 25 tháng 01 năm 2021.

Quá trình vợ chồng sống chung thời gian đầu đầm ấm hạnh phúc nhưng dần về sau thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do tính tình không còn phù hợp từ năm 2016,

anh T tính tình không còn như trước, có nhiều thay đổi khác biệt, không còn quan tâm đến vợ con, thiếu trách nhiệm với gia đình, chỉ biết mỗi việc chính là làm ruộng, bỏ mặc cho vợ con lo mọi việc trong ngoài, thời gian kéo dài tôi không thể còn sức chịu đựng được nên nay tôi yêu cầu được ly hôn với anh T.

- *Về con chung*: Có 02 con chung tên Lê Xuân A, sinh năm 1992 và Lê Quốc T1, sinh năm 2000, các con đã trưởng thành, theo ai người đó nuôi, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản và nợ*: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và các lời trình bày tiếp theo của bị đơn anh Lê Xuân T như sau: Theo lời vợ tôi trình bày về quan hệ hôn nhân, về con chung, tài sản và nợ đều đúng. Tuy nhiên về mâu thuẫn gia đình dẫn đến vợ chồng mất hạnh phúc là vì vợ tôi bán tạp hóa hàng ngày tôi phụ tiếp nhưng vợ không vừa lòng mà có lời lẽ xúc phạm tôi và từ đó vẫn đến mâu thuẫn nhiều năm nay. Nạnh ai người đó sống, không có ai chăm sóc tới nhau nữa, tôi thì làm ruộng, vợ thì mua bán tạp hóa, cuộc sống tự ai nấy lo. Nay tôi thấy con chung chưa cưới gã xong nên không muốn ly hôn.

Về tài sản và nợ nần thì vợ chồng tôi tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận đinh:

[1] Về tố tụng:

- Anh Lê Xuân T có nơi cư trú tại ấp H1, xã H2, huyện G, tỉnh Kiên Giang thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khỏan 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Quá trình giải quyết vụ án, anh Lê Xuân T với tư cách là bị đơn, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn cố tình vắng mặt, việc vắng mặt của anh Lê Xuân T không rõ lý do. Xét thấy sự vắng mặt của anh Lê Xuân T không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Lê Xuân T theo quy định khoản 5 Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Xuân T và chị Ngô Thị H có đăng ký kết hôn vào ngày 25 tháng 01 năm 2021 tại UBND xã H2, huyện G, tỉnh Kiên Giang là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy: Anh T và chị H sau khi thành hôn về chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do tính tình không phù hợp, thường xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống và cũng đã nhiều lần tự khắc phục sửa chữa khuyết điểm nhưng suốt thời gian dài vẫn không mang lại kết quả mà ngược lại còn gây gắt hơn, trầm trọng hơn, cuộc sống hôn nhân đã hoàn toàn không còn hạnh phúc, không thể duy trì để tiếp tục sống chung với nhau được nữa nên cả hai đã lựa chọn cho mình có cuộc sống riêng, độc lập, nạnh ai nấy sống, không còn quan tâm tới nhau nữa nên nay chị H kiên quyết ly hôn.

Theo quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình:

1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ T hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.

Đối chiếu với quy định của Luật hôn nhân và gia đình thì mối quan hệ tình cảm vợ chồng giữa anh T và chị H không thể tồn tại mà ngược lại bởi: Mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H yêu cầu được ly hôn, việc yêu cầu ly hôn của chị H là phù hợp cần được chấp nhận.

- Về con chung: Anh T chị H có 02 con chung tên Lê Xuân A, sinh năm 1992 và Lê Quốc T1, sinh năm 2000 đã trưởng thành, chị H và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nghĩ nên miễn xét.

- Về tài sản và nợ: Anh T và chị H xác định là vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nghĩ nên không xét.

- Về án phí: Chị Ngô Thị H phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về Mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- □p dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khỏan 1 Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 277 và khoản 3 Điều 228, khoản 5 Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 4 Điều 147; điểm khoản 5

Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về Quan hệ hôn nhân: Xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Ngô Thị H đối với anh Lê Xuân T.

2. Về con chung: Anh T, chị H có 02 con chung tên Lê Xuân A, sinh năm 1992 và Lê Quốc T1, sinh năm 2000 đã trưởng thành, chị H và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nghĩ nên miễn xét.

3. Về tài sản và nợ: Anh T và chị H xác định là vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nghĩ nên không xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Xử buộc chị Ngô Thị H phải chịu tiền án phí ly hôn là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị H đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003100, ngày 12 tháng 10 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Báo cho chị Ngô Thị H biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án là ngày 30 tháng 12 năm 2022, Lê Xuân T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh, huyện GR;
- Chi cục thi hành án GR;
- UBND xã, thị trấn;
- Đương sự;
- L- u hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

LÊ VĂN TÁM